TAND QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/DSST
Ngµy: 13/3/2023
V/v: Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sơn và bà Trần Thị Oanh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Kim Yến

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên

Trong ngày 13/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 50/2022/TLST-DS ngày 10/10/2022 về việc "Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 24/02/2023 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (gọi tắt là Techcombank)

Địa chỉ trụ sở: Số 6 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N - Giám đốc xử lý nợ

Bà Nhị ủy quyền lại cho: Bà Hoàng Thị Thanh T, ông Bùi Công T, bà Nguyễn Thị N – Chuyên viên xử lý nợ

Bà Hoàng Thị Thanh T, ông T - Có mặt

Bị đơn: Ông Đỗ Minh Đ, sinh năm 1976

Bà Đậu Thị Th, sinh năm 1984 (ông Đ ủy quyền cho bà Th -Theo giấy ủy quyền số công chứng 254, quyển số 02/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/02/2023 tại Văn phòng công chứng Trịnh Như Tố, thành phố Hà Nội) – Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đỗ Minh Kỳ P, sinh năm 2012 (bà Th, ông Đ là người đại diện hợp pháp của cháu Phong).

Cùng địa chỉ: dự án khu chức năng đô thị Thành phố Xanh – Vinhomes Gardenia, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 15/5/2019, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) cùng bà Đậu Thị Th và ông Đỗ Minh Đ đã ký kết hợp đồng tín dụng số HGA20196266761/HĐTD và khế ước nhận nợ số HGA201962676761/01 với nội dung: Ngân hàng cho ông Đ, bà Th vay 2.200.000.000đ, đã nhận giải ngân số tiền 2.200.000.000đ. Mục đích vay vốn Mua căn hộ tại dự án Vinhomes Gardenia căn số A2310; Ngày nhận nợ: 20/5/2019. Lãi suất vay áp dụng trong thời gian 24 tháng kể từ ngày nhận nợ là: 9,29%/năm. Thời gian tiếp theo lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở Vingroup dài hạn (+) biên độ 4,99%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Techcombank quy định theo từng thời kỳ, tương ứng từng đối tượng khách hàng.

Ngày 05/6/2018, căn cứ đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng của bà Đậu Thị Th, Techcombank đã phê duyệt giải ngân và kích hoạt thẻ tín dụng cho bà Đậu Thị Th với hạn mức 70.000.000đ.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng và các nghĩa vụ khác của bà Đậu Thị Th và ông Đỗ Minh Đ tại Techcombank gồm: Căn hộ chung cư số A2310, tòa nhà CT02 (A2), dự án Khu chức năng đô thị Thành phố Xanh - Vinhomes Gardenia, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, diện tích sàn 79.5m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 7771. Tài sản thế chấp đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật ngày 01/7/2021 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đậu Thị Th và ông Đỗ Minh Đ đã trả được 307.329.150đ tính đến ngày 27/02/2020. Sau đó không trả nữa. Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu bà Th, ông Đ trả nợ, hoặc bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định, nhưng bà Th, ông Đ không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng.

Ngân hàng đã khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà Th phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 02/7/2021, dư nợ của vợ chồng bà Đậu Thị Th và ông Đỗ Minh Đ tại Techcombank cụ thể như sau: Tổng nợ gốc: 2.048.013.445đ; Tổng nợ lãi: 290.658.057đ; Nợ thẻ tín dụng: 30.838.012đ; Tổng nợ: 2.369.509.514đ.

Nếu bà Th, ông Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Techcombank có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Số tiền phát mại nếu không đủ trả nợ thì bà Th và ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Techcombank.

Bị đơn ông Đ, bà Th, do bà Th làm đại diện trình bày: Bà xác nhận vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng, có mở thẻ để chi tiêu trong gia đình và ký hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho các khoản vay như Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên, năm 2019, do dịch bệnh COVID-19, vợ chồng bà là chủ sở hữu và có toàn bộ

nguồn thu từ các Công ty TNHH BĐS Nội Hà và Công ty Cổ phần Thương mại Viet Invest Pro đã bị phá sản, ông, bà đã mất đi 100% thu nhập. Với ý thức trách nhiệm về quyền lợi và nghĩa vụ của mình là phải tuân thủ pháp luật, thực hiện Hợp đồng và khế ước theo quy định của Nhà nước đối với các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh; ông, bà đã liên tục đề nghị Ngân hàng xin được trả nợ khoản vay mua căn hộ nói trên, và hỗ trợ khách hàng là chủ doanh nghiệp bị phá sản do dịch bệnh COVID-19 trong khi nguồn trả nợ hàng tháng khi duyệt vay là từ hoạt động cho thuê nhà ở của 2 công ty đã phá sản.

Trong 03 năm đó, ông, bà đã liên hệ với ngân hàng, ra tòa, gặp các cán bộ xử lý công nợ để làm đơn và các yêu cầu chứng minh doanh nghiệp của ông, bà bị phá sản. Tuy nhiên, ông, bà bị làm khó bởi cả nguyên nhân khách quan và chủ quan của các bên liên quan trong quá trình thực hiện nguyện vọng chính đáng của mình, dẫn tới hôm nay vướng mắc hồ sơ của ông, bà chưa giải quyết xong, cụ thể: Bà Bùi Thị M, Giám đốc Chi nhánh Techcombank chi nhành Thăng Long phòng giao dịch Hoàng Gia tại Toà 34, Royal City có địa chỉ tại số 72A Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội tiết lộ thông tin cá nhân và thông tin tín dụng của tôi cho những người không liên quan như Bà Nguyễn Thị Q (chủ cũ căn hộ) và Ông Nguyễn Huy V (đối tác làm ăn của ông, bà) làm cản trở khả năng thu hồi công nợ để trả nợ ngân hàng của ông, bà. Đến nay Bà Bùi Thị M đã nghỉ việc, không còn làm việc tại Techcombank;

Ngân hàng thay đổi nhân sự, thất lạc hồ sơ, sau đó phía cán bộ ngân hàng, cán bộ xử lý công nợ treo hồ sơ tại đó với nhiều lý do bất lợi cho ông, bà như: Sếp đang bị COVID, ông, bà phải chờ 02 tháng; Cán bộ xử lý khoản vay: Con cán bộ mắc COVID, ông, bà lại phải tiếp tục chờ 02 tháng; Cán bộ đi công tác nên chưa họp hội đồng để xin phê duyệt được, ông, bà lại tiếp tục phải chờ;

Hồ sơ vụ việc được chuyển từ Toà án quận Bắc Từ Liêm sang Toà án quận Nam Từ Liêm mà không có thông báo của bên liên quan, cuối tháng 11/2022, ông, bà đã nhiều lần liên hệ với Thẩm phán và thư ký Tòa án quận Nam Từ Liêm để hỏi xem tại sao chưa thấy Tòa án quận Bắc Từ Liêm chưa gọi để giải quyết hồ sơ.

Trong quá trình làm việc, nhiều lần thư ký toà gửi giấy triệu tập cho ông, bà không cho phong bì dán kín theo quy định để gửi tại Lễ tân Toà nhà nơi ông, bà sinh sống. Thậm chí có lần cán bộ Ngân hàng dẫn theo 05 người lên căn hộ tôi sinh sống để làm việc mà không báo trước, gây hoang mang tâm lý cho gia đình bởi các hành vi không đúng quy định của pháp luật của cán bộ ngân hàng.

Về nội dung khởi kiện của Ngân hàng ông, bà có ý kiến như sau:

Một là, chúng tôi xin trả 100% gốc của khoản vay theo hợp đồng tín dụng còn lại là 2.048.013.445đ và 28.313.322đ nợ gốc của thẻ tín dụng.

Tổng hai khoản trên, chúng tôi xin được tất toán làm tròn là: 2.300.000.000đ và xin trả một lần bằng hình thức chuyển khoản trước ngày 15/4/2023.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng; Giữ nguyên những nội dung khởi kiện còn lại đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Đ và bà Th phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 13/3/2023 là 2.930.089.432đ, trong đó tiền nợ gốc là 2.076.326.767đ (trong đó nợ gốc hợp đồng tín dụng là 2.048.013.445đ, nợ gốc của hợp đồng thẻ tín dụng là 28.313.322đ); Lãi trong hạn là 715.475.176đ; Lãi quá hạn là 39.535.291đ, lãi chậm trả là 95.292.679đ, phí khoản thẻ tín dụng 3.459.519đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 14/3/2023 cho đến khi ông Đ, bà Th tất toán xong toàn bộ số nợ. Nếu ông Đ, bà Th không chịu thanh toán số nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Số tiền phát mại tài sản thu hồi nợ không đủ trả nợ thì ông Đ, bà Th vẫn phải có trách nhiệm trả hết số nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Th trình bày: Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa, bà thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng, mở thẻ chi tiêu dùng, hợp đòng thế chấp như Ngân hàng trình bày là đúng. Nhưng khoản tiền nợ gốc và nợ lãi như yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn là quá thiệt thòi cho ông, bà. Bởi lẽ, ngày sau khi mất khả năng trả nợ, bà đã ra Ngân hàng làm việc và xin được trả nợ nhưng Ngân hàng lấy nhiều lý do và tạo ra nhiều cản trở dẫn đến bà chưa trả được nợ, làm lãi suất phát sinh quá nhiều, quá khả năng trả nợ của ông bà. Mặt khác, thời gian giải quyết tại Tòa bà cũng không phải chịu lãi suất vì thời gian giải quyết cả năm. Đề nghị HĐXX xem xét. Bà vẫn đề nghị trả tổng cộng số tiền cả gốc và lãi của tất cả các khoản nợ của ông bà là 2.300.000.000đ. Số tiền còn lại đề nghị Ngân hàng miễn cho ông, bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, thành viên HĐXX, các đương sự đã chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền lãi phạt; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Đ, bà Th thanh toán cho Techcombank số tiền còn nợ tính đến ngày 13/3/2023 là 2.930.089.432đ, trong đó tiền nợ gốc là 2.076.326.767đ (trong đó nợ gốc hợp đồng tín dụng là 2.048.013.445đ, nợ gốc của hợp đồng thẻ tín dụng là 28.313.322đ); Lãi trong hạn là 715.475.176đ; Lãi quá hạn là 39.535.291đ, lãi chậm trả là 95.292.679đ, phí khoản thẻ tín dụng 3.459.519đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 14/3/2023 cho đến khi ông Đ, bà Th tất toán xong toàn bộ số nợ. Nếu ông Đ, bà Th không chịu thanh toán số nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Số tiền phát mại tài sản thu hồi nợ không đủ trả nợ thì ông Đ, bà Th vẫn phải có trách nhiệm trả hết số nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cùng các tài liệu Tòa án xác minh thu thập được xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Tài sản thế chấp và nơi cư trú của bị đơn đều trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Do vậy, việc Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 15/5/2019, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) cùng bà Đậu Thị Th và ông Đỗ Minh Đ đã ký kết hợp đồng tín dụng số HGA201962676761/HĐTD và khế ước nhận nợ số HGA201962676761/01 với nội dung: Ngân hàng cho ông Đ, bà Th vay 2.200.000.000đ, đã nhận giải ngân số tiền 2.200.000.000đ. Trong hợp đồng các bên còn thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ, mục đích vay..Ngoài ra vào ngày 05/6/2018, căn cứ đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng của bà Đậu Thị Th, Techcombank đã phê duyệt giải ngân và kích hoạt thẻ tín dụng cho bà Đậu Thị Th với hạn mức 70.000.000đ.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng và các nghĩa vụ khác của bà Đậu Thị Th và ông Đỗ Minh Đ tại Techcombank gồm: Căn hộ chung cư số A23101, tòa nhà CT02 (A2), dự án Khu chức năng đô thị Thành phố Xanh-Vinhomes Gardenia, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Căn hộ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Đỗ Minh Đ và bà Đậu Thị Th, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Xét Hợp đồng tín dụng, hợp đồng mở thẻ tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa các bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, các bên tự nguyện ký và thực hiện hợp đồng nên xác định các giao dịch giữa các bên có giá trị pháp lý.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ và bà Th đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông Đ, bà Th thực hiện nghĩa vụ nhưng không có kết quả nên Ngân hàng đã khởi keiện yêu cầu ông Đ, bà Th phải trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nếu ông Đ bà Th không thực hiện nghĩa vụ. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về ý kiến của bị đơn cho rằng do dịch bệnh nên việc kinh doanh của bà bị phá sản hoàn toàn, nguồn thu không có, Ngân hàng không tạo điều kiện cho bà trả nợ, thời gian Tòa án thụ lý giải quyết bà không chịu lãi suất cho tất cả các khoản nợ. HĐXX xét thấy, lập luận của bà Th là không có căn cứ, bởi lẽ nội dung này không được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, pháp luật cũng không quy định. Đại diện Ngân hàng không đồng ý với đề nghị của bị đơn. Do vậy, HĐXX không chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định, trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 292, 295, 298, 299, 323, 463, 466, 688 BLDS năm 2015; Điều 26, 35, 147, 157 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam đối với nội dung yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền phạt hợp đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam đối với nội dung buộc ông Đỗ Minh Đ và bà Đậu Thị Th phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam tổng số tiền tính đến hết ngày 13/3/2023 là 2.930.089.432đ, trong đó tiền nợ gốc là 2.076.326.767đ (trong đó nợ gốc hợp đồng tín dụng là 2.048.013.445đ, nợ gốc của hợp đồng thẻ tín dụng là 28.313.322đ); Lãi trong hạn là 715.475.176đ; Lãi quá hạn là 39.535.291đ, lãi chậm trả là 95.292.679đ, phí khoản thẻ tín dụng 3.459.519đ và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng tính từ ngày 14/3/2023 cho đến khi ông Đ, bà Th tất toán xong toàn bộ số nợ. Nếu ông Đ, bà Th không chịu thanh toán số tiền nợ và tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu hồi nợ không đủ trả nợ thì ông Đ, bà Th vẫn phải có trách nhiệm trả hết số nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm là: Căn hộ chung cư số A2310, tòa nhà CT02 (A2), dự án Khu chức năng đô thị Thành phố Xanh-Vinhomes Gardenia, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, diện tích sàn 79,5m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 77771, số vào sổ cấp GCN: CS3376 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 07/8/2019. Hợp đồng thế chấp số công chứng 07403 Quyển số 02/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/6/2021 tại Văn phòng công chứng Đông Đô. Đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật ngày 01/7/2021 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội. Tài sản bảo đảm đưa ra xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản.

Về án phí: Buộc ông Đỗ Minh Đ và bà Đậu Thị Th phải nộp 90.601.969đ tiền án phí DSST. Trả lại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam 39.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0042764 ngày 01/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND cùng cấp
- Cơ quan THA dân sự
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Vinh